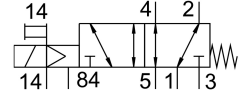
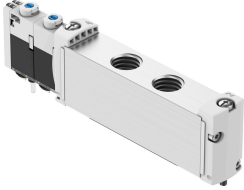


# Van điện từ VUVG-S18-M52-MZT-G14-1T1L

Số bộ phận: 8004880

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính   | Giá trị                                 |
|--|---|
| Chức năng van                                    | 5/2 đơn ổn định                         |
| Kiểu vận hành                                    | điện                                    |
| Kích thước van                                   | 18 mm                                   |
| Lưu lượng định mức thông thường                  | 1150 l/min                              |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                   | G1/4                                    |
| Điện áp vận hành                                 | 24V DC                                  |
| Áp suất vận hành                                 | -0.09 MPa...0.8 MPa<br>-0.9 bar...8 bar |
| Cấu trúc xây dựng                                | thanh trượt pít tông                    |
| Kiểu cài đặt lại                                 | lò xo cơ học                            |
| Giấy phép  | c UL us - Recognized (OL)               |
| Mức độ bảo vệ                                    | IP65<br>IP67                            |
| Chức năng khí xả                                 | có thể điều tiết                        |
| Nguyên lý bít                                    | mềm                                     |
| Vị trí lắp đặt                                   | bất kì                                  |
| Nút ghi đè                                       | khớp<br>quét                            |
| Kiểu điều khiển                                  | điều khiển trước                        |
| kiểm soát cung cấp không khí                     | bên ngoài                               |
| Hướng dòng chảy                                  | có thể đảo ngược                        |
| Xếp chồng  | xếp chồng không xác định                |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu                     | Đèn LED                                 |
| Áp suất điều khiển                               | 0.3 MPa...0.8 MPa<br>3 bar...8 bar      |
| Tần số chuyển mạch tối đa                        | 3 Hz                                    |
| Thời gian chuyển mạch tắt                        | 50 ms                                   |
| Thời gian chuyển mạch bật                        | 13 ms                                   |
| Thời gian bật                                    | 100%                                    |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0 | 1600 $\mu$ s                            |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu         | 3000 $\mu$ s                            |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                       | 22 V DC: 1,0 W                          |

| Đặc tính                              | Giá trị  |
|---------------------------------------|--|
| Dao động điện áp cho phép             | +/- 10 %   |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]   |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                   | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                             | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải   |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L  |
| Nhiệt độ trung bình                   | -5 °C...60 °C  |
| Môi chất kiểm soát                    | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...60 °C  |
| trọng lượng sản phẩm                  | 138 g  |
| Cổng nối điện                         | qua tấm kết nối  |
| Kiểu gắn                              | Trên ray gắn van cụm   |
| Cổng nối khí nén 2                    | G1/4   |
| Cổng nối khí nén 4                    | G1/4   |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS  |
| Vật liệu của phớt                     | HNBR<br>NBR  |
| Vật liệu vỏ                           | Hợp kim nhôm rèn   |